

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 55/2021/HSST

Ngày 05 - 5 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kim Đính;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Lâm, bà Phạm Thị Liễu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Sơn Tùng là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Vũ Văn Q, sinh năm ...; nơi sinh tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú không ổn định (không có nơi đăng ký thường trú); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; con ông Trần Văn B (đã chết) và con bà Vũ Thị T (đã chết); bị cáo và Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm ... sống chung như vợ chồng có 01 người con (sinh năm 2000); tiền sự: Không; có 01 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 195/2008/HSST ngày 20/8/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kết án đối với bị cáo 06 năm tù, về tội “cướp tài sản”, đến ngày 03/02/2013 bị cáo đã chấp hành xong án hình phạt tù, chưa thi hành án án phí 50.000 đồng; về nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 26/HSPT ngày 25/02/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kết án đối với bị cáo 08 tháng tù, về tội “trộm cắp tài sản công dân”; tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/HSST ngày 03/12/1997 của Tòa án nhân dân huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai kết án đối với bị cáo 04 tháng tù, về tội “trộm cắp tài sản công dân”; bị bắt tạm giam từ ngày 03 tháng 02 năm 2021 (bút lục số 14, 15).

Bị hại: Giáo xứ Ngọc Lâm. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm ...; nơi cư trú tại ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Phan Thị Minh Đ, sinh năm ... (nơi cư trú tại khu phố 2, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng);

2. Phan Văn ..., sinh năm ... (nơi cư trú tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

**- Người làm chứng:** Mai Khải ..., sinh năm ...; nơi cư trú tại ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vũ Văn Q không có nơi cư trú ổn định, có một tiền án về tội cướp tài sản chưa được xóa án tích. Ngày 29 tháng 9 năm 2020 bị cáo điều khiển xe mô tô của con bị cáo biển số 60B8 – 57658 đến Giáo xứ Ngọc Lâm (tại ấp Ngọc Lâm 2, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) phát hiện tại đền thánh Giuse có hòm tiền công đức không có người trông coi tài sản nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Bị cáo mua dây dù, 02 cuộn băng keo dính hai mặt, lấy một miếng kim loại mỏng cắt thành nhiều đoạn nhỏ hình chữ L và dùng đinh sắt xuyên một lỗ nhỏ qua miếng kim loại, luồn dây dù qua lỗ nhỏ rồi cột dây cố định vào miếng sắt, dán băng keo hai mặt làm công cụ lấy tiền trong hòm công đức.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe trên chở Phan Thị Minh Đ đi đến nhà thờ Ngọc Lâm, bị cáo dừng xe lại nói với Đ ngồi canh xe, bị cáo đi mua xăng để đổ vào xe. Sau đó, bị cáo vào khuôn viên nhà thờ Ngọc Lâm đến đền thánh Giuse. Bị cáo quan sát xung quanh không có người đã đến hòm tiền công đức dùng sợi dây gắn những miếng kim loại bỏ vào khe hở hòm công đức, bị cáo kéo dây lên thì tiền dính vào miếng kim loại, bị cáo dùng một thanh sắt móc tiền ra khỏi hòm công đức bỏ vào túi áo khoác. Bị cáo thực hiện liên tục hành vi câu tiền trên 30 phút thì dừng lại. Sau đó, bị cáo đi qua cổng chính nhà thờ Ngọc Lâm thì gặp lực lượng dân phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân đang tuần tra, phát hiện bị cáo có biểu hiện nghi ngờ thì bị lực lượng dân phòng kiểm tra, phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trình báo Công an xã Phú Xuân giải quyết, qua khám xét thu giữ tài sản của bị cáo quản lý 3.733.000 đồng và nhiều đồ vật, tài liệu liên quan.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại Giáo xứ Ngọc Lâm; đối với số tiền thu giữ, bị cáo khai có 733.000 đồng là tiền trộm cắp, còn 3.000.000 đồng là tiền của Phan Thị Minh Đ gửi bị cáo cất giữ (bút lục 38 đến 45; 54, 55, 82 đến 92).

Vật chứng vụ án tạm giữ: 3.733.000 đồng; 01 thanh sắt tròn hình chữ L, dài 35cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 5,5cm, dài 14,7cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 06 cm, dài 15,7cm; 01 sợi dây dù dài 95cm, có cột theo 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 05cm, dài 13,5cm; 02 cuộn băng keo dính bằng giấy màu trắng; 01 áo khoác Jean màu xanh; 01 xe mô tô biển số 60B8 – 57658; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu Gold (bút lục 22, 23). Đối với 01 xe mô tô biển số 60B8 – 57658, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu Gold và 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội thì Công an huyện Tân Phú đã quyết định trả lại tài sản các chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn V (đại diện giáo xứ Ngọc Lâm) đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường (bút lục 23).

Đối với Phan Thị Minh Đ không biết và không có sự bàn bạc cùng bị cáo trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Cáo trạng số 44/CT-VKSTP-ĐN ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội như sau:

Ý kiến của bị cáo trình bày phù hợp chứng cứ vụ án. Hành vi của bị cáo nguy hiểm trong xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người đã thành niên, tiếp tục phạm tội cần phải có mức án nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Xét bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên bố bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 thanh sắt tròn hình chữ L, dài 35cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 5,5cm, dài 14,7cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 06 cm, dài 15,7cm; 01 sợi dây dù dài 95cm, có cột theo 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 05cm, dài 13,5cm; 02 cuộn băng keo dính bằng giấy màu trắng và 01 áo khoác Jean màu xanh là công cụ dùng vào mục đích trộm cắp tài sản không còn giá trị sử dụng.

\*Bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Hoạt động tiến hành tố tụng của Công an huyện Tân Phú và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phù hợp pháp luật.

Người làm chứng, bị hại, đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, có thể công bố lời khai của họ để tranh tụng nên không ảnh hưởng hoạt động xét xử. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, quyết định xét xử vụ án vắng những người này là phù hợp các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo không bổ sung tài liệu chứng cứ, chỉ trình bày ý kiến về hành vi thực hiện tội phạm, không có ý kiến tranh luận. Ý kiến trình bày của bị cáo phù hợp với ý kiến của bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án. Các chứng cứ này chứng minh bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cáo trạng truy tố bị cáo đúng quy định của luật.

\* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức để nhận biết hành vi vi phạm

pháp luật nhưng thường thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, Tòa án đã kết án đối với bị cáo nhiều lần về tội trộm cắp tài sản công dân, tội cướp tài sản mà vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo nguy hiểm trong xã hội, vụ án xảy ra góp phần làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, Hội đồng xét xử thảo luận ý kiến thống nhất áp dụng hình phạt tù nghiêm minh tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích trong xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là người không biết chữ, có trình độ văn hóa thấp là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án, xử lý hành vi phạm tội của bị cáo để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Đến nay bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp Điều 158 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về vật chứng vụ án được xử lý như sau:

Các vật chứng bị cáo dùng làm công cụ phạm tội: 01 thanh sắt tròn hình chữ L, dài 35cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 5,5cm, dài 14,7cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 06 cm, dài 15,7cm; 01 sợi dây dù dài 95cm, có cột theo 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 05cm, dài 13,5cm; 02 cuộn băng keo dính bằng giấy màu trắng và áo khoác cất tiền trộm cắp, áo này không còn giá trị sử dụng cần phải tịch thu tiêu hủy; các vật chứng khác Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã quyết định trả lại người quản lý tài sản hợp pháp (người có quyền sở hữu tài sản) là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[6] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp chứng cứ vụ án và quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 158 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Vũ Văn Q 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 02 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh sắt tròn hình chữ L, dài 35cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 5,5cm, dài 14,7cm; 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 06 cm, dài 15,7cm; 01 sợi dây dù dài 95cm, có cột theo 01 miếng kim loại màu bạc, một đầu có mũi nhọn rộng 05cm, dài 13,5cm; 02 cuộn băng keo dính bằng giấy màu trắng; 01 áo khoác Jean màu xanh (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã nhận vật chứng của Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển đến ngày 01 tháng 4 năm 2021).

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về trách nhiệm thi hành án dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án) mà bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất đối với tài sản còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại, đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo {để thay thông báo kết quả xét xử};
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Lưu: Vụ án, lưu trữ cơ quan, Thi hành án hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính